



**HAGL Group**

## **Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Quý I năm 2011

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

## NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	7 - 38

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 31 tháng 3 năm 2011

B01-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>11.781.429.557</b>	<b>11.493.766.494</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>2.489.107.241</b>	<b>3.588.663.440</b>
111	1. Tiền	4	2.489.107.241	3.588.663.440
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>		<b>81.783.240</b>	<b>81.783.240</b>
121	1. Các khoản đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	81.783.240
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>4.883.091.613</b>	<b>3.788.757.845</b>
131	1. Phải thu khách hàng	6	2.530.494.020	2.212.597.371
132	2. Trả trước cho người bán	7	1.772.424.591	1.249.025.710
135	3. Các khoản phải thu khác	8	581.331.440	328.293.202
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.158.438)	(1.158.438)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>3.997.235.871</b>	<b>3.798.428.718</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	3.997.289.355	3.798.482.202
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(53.484)	(53.484)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>330.211.592</b>	<b>236.133.251</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		63.250.524	52.064.898
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		104.670.505	77.671.693
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		28.001.030	27.613.514
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	134.289.533	78.783.146
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>8.504.927.805</b>	<b>7.577.978.620</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>5.061.898.445</b>	<b>4.409.784.787</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.449.393.722	1.401.270.498
222	Nguyên giá		1.677.725.551	1.598.371.382
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(228.331.829)	(197.100.884)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	15.183.258	14.284.184
225	Nguyên giá		16.473.991	14.896.718
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.290.733)	(612.534)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	120.790.940	115.360.179
228	Nguyên giá		123.484.100	117.798.151
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.693.160)	(2.437.972)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	3.476.530.525	2.878.869.926
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư dài hạn</b>		<b>3.119.542.584</b>	<b>2.855.492.612</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	30.931.029	30.931.029
258	2. Đầu tư dài hạn khác	16	3.088.611.555	2.824.561.583
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>239.051.537</b>	<b>233.782.080</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	187.387.535	191.549.237
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.2	46.801.611	37.920.152
268	3. Tài sản dài hạn khác		4.862.391	4.312.691
<b>269</b>	<b>IV. Lợi thế thương mại</b>	3.12	<b>84.435.239</b>	<b>78.919.141</b>
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>20.286.357.362</b>	<b>19.071.745.114</b>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 3 năm 2011

B01-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>10.542.329.885</b>	<b>9.891.577.367</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.715.118.300</b>	<b>6.578.629.449</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	2.920.583.089	3.092.741.335
312	2. Phải trả cho người bán		650.561.159	667.296.812
313	3. Người mua trả tiền trước	19	1.562.142.445	1.501.128.792
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	638.147.336	491.200.946
315	5. Phải trả công nhân viên		28.685.311	22.396.670
316	6. Chi phí phải trả	21	568.646.381	409.723.296
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	22	311.780.877	304.797.712
320	8. Dự phòng ngắn hạn		21.097.967	21.480.614
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		13.473.735	67.863.272
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>3.827.211.585</b>	<b>3.312.947.918</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác	23	23.725.685	23.718.851
334	2. Vay và nợ dài hạn	24	3.301.281.711	2.782.059.650
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.2	500.801.276	505.736.594
336	4. Dự phòng trợ cấp thôi việc		1.402.913	1.432.823
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>8.909.466.852</b>	<b>8.481.376.468</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	25	<b>8.909.466.852</b>	<b>8.481.376.468</b>
411	1. Vốn cổ phần		4.672.805.900	3.115.206.970
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.880.972.568	3.504.012.140
413	3. Phụ trội hợp nhất công ty con		(362.985.026)	(363.632.578)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		138.684.260	59.665.483
417	5. Quỹ đầu tư và phát triển		8.622.737	8.622.737
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		230.051.745	210.865.390
420	7. Lợi nhuận chưa phân phối		1.341.314.668	1.946.636.326
<b>500</b>	<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>834.560.625</b>	<b>698.791.279</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>20.286.357.362</b>	<b>19.071.745.114</b>



Bà Hồ Thị Kim Chi  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự  
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 6 năm 2011

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý I năm 2011

B02-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	717.198.067	530.179.854	717.198.067	530.179.854
02	2. Các khoản giảm trừ	26.1	(92.079)	(4.593.929)	(92.079)	(4.593.929)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	717.105.988	525.585.925	717.105.988	525.585.925
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(373.411.137)	(296.876.805)	(373.411.137)	(296.876.805)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		343.694.851	228.709.120	343.694.851	228.709.120
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	434.975.337	197.233.089	434.975.337	197.233.089
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	28	(96.061.408)	(36.907.093)	(96.061.408)	(36.907.093)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(93.356.048)	(35.451.633)	(93.356.048)	(35.451.633)
24	8. Chi phí bán hàng		(37.650.091)	(22.068.201)	(37.650.091)	(22.068.201)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(49.937.268)	(42.637.303)	(49.937.268)	(42.637.303)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		595.021.421	324.329.612	595.021.421	324.329.612
31	11. Thu nhập khác	29	8.493.080	4.122.219	8.493.080	4.122.219
32	12. Chi phí khác	29	(9.782.538)	(10.430.179)	(9.782.538)	(10.430.179)
40	13. Lỗ khác	29	(1.289.458)	(6.307.960)	(1.289.458)	(6.307.960)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2011

B02-DN/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Ngân VND
			Năm nay		Năm trước		
			Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh-Thuyết minh số 31)	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh-Thuyết minh số 31)	
50	14. Lợi nhuận trước thuế		593.731.963	318.021.652	593.731.963	318.021.652	
51	15. Thuế TNDN hiện hành	30.1	(176.706.159)	(47.399.183)	(176.706.159)	(47.399.183)	
52	16. Thuế TNDN hoãn lại	30.2	22.577.070	(20.363.964)	22.577.070	(20.363.964)	
60	17. Lợi nhuận thuần trong kỳ Phân bổ cho: 17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số 17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		439.602.874	250.258.505	439.602.874	250.258.505	
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)		68.954.966 370.647.908	7.976.519 242.281.986	68.954.966 370.647.908	7.976.519 242.281.986	897



Bà Hồ Thị Kim Chi  
 Kế toán trưởng

Ngày 1 tháng 6 năm 2011



Ông Nguyễn Văn Sự  
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý I năm 2011

B03-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	Khoản mục	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh (HĐKD)</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>593.731.963</b>	<b>318.021.652</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	11, 12, 13	32.550.241	36.473.798
03	Các khoản dự phòng		-	(534.902)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(432.435.723)	(184.953.752)
06	Chi phí lãi vay	28	93.356.048	35.451.633
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>287.202.529</b>	<b>204.458.429</b>
09	(Tăng) /giảm các khoản phải thu		(532.475.443)	4.372.389
10	Tăng hàng tồn kho		(131.345.221)	(142.823.360)
11	Tăng /(giảm)các khoản phải trả		166.783.092	(65.703.722)
12	Tăng chi phí trả trước		(7.023.924)	(19.215.104)
13	Tiền lãi vay đã trả		(42.533.071)	(18.727.526)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(18.567.600)	(20.395.190)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(76.613.390)	(36.545.555)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD</b>		<b>(354.573.028)</b>	<b>(94.579.639)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(612.439.713)	(767.436.993)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		916.292	411.909
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(115.960.539)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(755.433.810)	(7.391.446)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		200.000.000	265.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		74.910.245	24.286.801
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.092.046.986)</b>	<b>(601.090.268)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.475.168.613	493.577.475
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.128.104.798)	(396.602.993)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>347.063.815</b>	<b>96.974.482</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011


B03-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	Khoản mục	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm nay (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
50	Giảm tiền thuần trong kỳ		(1.099.556.199)	(598.695.425)
60	Tiền đầu kỳ		3.588.663.440	1.944.228.950
70	Tiền cuối kỳ	4	2.489.107.241	1.345.533.525



Bà Hồ Thị Kim Chi  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự  
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 6 năm 2011



# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh (số 5900377720) như sau:

Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 5 tháng 8 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 20 tháng 12 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 10 tháng 1 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 3 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 1 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 19 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 20 tháng 12 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 29 tháng 8 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 24 tháng 11 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 13 tháng 5 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười một	Ngày 11 tháng 6 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười hai	Ngày 15 tháng 9 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười ba	Ngày 18 tháng 11 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	Ngày 23 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	Ngày 17 tháng 5 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười sáu	Ngày 17 tháng 9 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười bảy	Ngày 28 tháng 12 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười tám	Ngày 28 tháng 1 năm 2011

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2011, Công ty có 51 công ty con và 3 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 49 công ty con và 3 công ty liên kết) được trình bày trong Thuyết minh số 15 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Hoạt động chính của Tập đoàn, thông qua công ty mẹ và các công ty con, là sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; trồng cao su và các cây trồng khác; xây dựng; khai khoáng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

## 2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VNĐ") và được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2.1. *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2. *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

### 2.3. *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

### 2.4. *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ quý I năm 2011 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 31 tháng 3 năm 2011.

### 2.5. *Hợp nhất báo cáo tài chính*

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được lập cho Quý I năm 2011. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách (*Thuyết minh số 3.12*). Các báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

### 3.2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

### 3.3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu, nhân công và chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí lãi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

### 3.4. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời .v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

### 3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.6. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn của hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

### 3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Tập đoàn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích.

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.8. *Khấu hao và khấu trừ*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	20 năm
Quyền sử dụng đất	45 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không được khấu hao.

### 3.9. *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các tòa nhà, văn phòng cho thuê, công trình thủy điện và nông trường cao su mà chưa hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

#### *Tòa nhà và văn phòng cho thuê*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các tòa nhà, văn phòng cho thuê như chi phí thầu xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

#### *Nông trường cao su*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển nông trường cây cao su như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường xá và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

#### *Công trình thủy điện*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình thủy điện như chi phí thăm dò khảo sát, chi phí đền bù đất, khai hoang, máy móc và công cụ, chi phí xây dựng, chi phí nhân công và chi phí liên quan khác.

#### *Khai thác mỏ*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thăm dò khoáng sản như chi phí khảo sát, chi phí giấy phép, chi phí nhân công, máy móc, thiết bị và các chi phí liên quan khác.

### 3.10. *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước :

- ▶ Chi phí thuê trả trước;
- ▶ Chi phí bảo hiểm trả trước; và
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn và sử dụng trên một năm.

### 3.12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được đo lường theo giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Nếu chi phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích từ cổ đông thiểu số của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông thiểu số được ghi nhận là lợi thế thương mại trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý tại ngày mua. Các nghiệp vụ và giao dịch này không làm phát sinh lợi thế thương mại.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- ▶ Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho kỳ kế toán, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- ▶ Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13. Chuyển nhượng đầu tư trong các công ty con

Nếu công ty mẹ chấm dứt quyền kiểm soát trong công ty con thì sẽ:

- ▶ ngừng ghi nhận tài sản (bao gồm cả lợi thế thương mại) và nợ phải trả theo giá trị ghi sổ tại thời ngày chấm dứt quyền kiểm soát;
- ▶ ngừng ghi nhận giá trị ghi sổ của những khoản lãi tương ứng với phần lợi ích thiếu số tại công ty con này tại ngày chấm dứt quyền kiểm soát;
- ▶ ghi nhận:
  - giá trị hợp lý của số tiền bán nhận được, nếu có, của nghiệp vụ, sự kiện hoặc giao dịch dẫn đến việc mất quyền kiểm soát; và
  - nếu việc mất quyền kiểm soát liên quan đến việc phân phối cổ phiếu của công ty con cho những cổ đông nắm giữ thì khi đó sẽ:
    - ghi nhận bất kỳ một khoản đầu tư nắm giữ trong công ty con trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày chấm dứt quyền kiểm soát; và
    - ghi nhận khoản chênh lệch phát sinh như là một khoản lãi hoặc lỗ của công ty mẹ.

Nếu chuyển nhượng một phần tỷ lệ lợi ích trong công ty con mà không mất quyền kiểm soát thì việc giảm lợi ích này được hạch toán nhất quán với chính sách kế toán áp dụng cho việc tăng lợi ích trong công ty con. Theo đó, lãi lỗ từ việc chuyển nhượng quyền sở hữu trong công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.14. Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của quỹ dự trữ được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.15. **Đất nắm giữ cho mục đích phát triển dự án, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đất nắm giữ cho mục đích phát triển dự án được ghi nhận như một khoản "Đầu tư dài hạn khác" với giá thấp hơn giữa giá mua và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá mua là tất cả các chi phí bao gồm cả chi phí vay trực tiếp liên quan đến việc mua đất, chi phí bồi thường và giải tỏa mặt bằng. Giá trị thuần có thể thực hiện được thể hiện giá bán ước tính trừ đi chi phí thanh lý ước tính.

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

### 3.16. **Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.17. **Trích trước trợ cấp thôi việc**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

### 3.18. **Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán, điều chỉnh cho việc phát hành cổ phiếu thưởng.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.



# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.19. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản và nợ phải trả của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán; các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá bình quân trong kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi vào nguồn vốn chủ sở hữu. Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được kết chuyển sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### 3.20. Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

#### *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v..

#### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

#### *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

### 3.21. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu căn hộ*

Doanh thu hoạt động bán căn hộ được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- ▶ doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- ▶ doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- ▶ xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.21. Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ kế toán khi các chi phí này đã phát sinh.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và chuyển tải lên lưới điện theo giá điện đã thỏa thuận trước.

*Thu nhập chuyển nhượng cổ phần*

Thu nhập chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận hợp đồng.

*Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc kinh doanh phòng khách sạn và khu nghỉ dưỡng và từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.22. Thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Thuế hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.22. Thuế (tiếp theo)

*Thuế hoãn lại (tiếp theo)*

- ▶ Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế đã trả hoặc phải trả với mức thuế suất là 2% của các khoản tiền nhận được từ khách hàng mua căn hộ trước khi xây dựng hoàn tất được căn trừ vào thuế thu nhập hoãn lại phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

## 4. TIỀN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Tiền gửi ngân hàng	2.482.715.682	3.580.756.252
Tiền mặt tại quỹ	6.375.563	7.904.079
Tiền đang chuyển	15.996	3.109
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>2.489.107.241</u></b>	<b><u>3.588.663.440</u></b>

## 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư tài khoản này thể hiện giá trị tài sản ròng của chi nhánh Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba. Thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo này.

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

### 6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
Phải thu tiền bán căn hộ	1.571.074.314	1.528.192.838
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	499.233.224	415.568.763
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	460.186.482	268.835.770
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>2.530.494.020</u></b>	<b><u>2.212.597.371</u></b>

### 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Trả trước cho nhà thầu	1.369.695.777	936.526.527
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	185.794.507	119.760.627
Trả trước mua quyền sử dụng đất và bất động sản	178.734.307	154.538.556
Trả trước tiền mua cổ phần	38.200.000	38.200.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.772.424.591</u></b>	<b><u>1.249.025.710</u></b>

### 8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Phải thu nhân viên	66.688.349	91.368.218
Các khoản cho vay các công ty	58.171.423	56.343.034
Cho vay ngắn hạn công nhân viên	77.070.415	52.552.255
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	38.851.418	34.485.835
Các khoản khác	340.549.835	93.543.860
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>581.331.440</u></b>	<b><u>328.293.202</u></b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	3.358.710.480	3.244.046.737
Thành phẩm	60.957.793	129.504.120
Hàng hóa	43.479.284	33.855.388
Hàng mua đang đi trên đường	41.026	369.694
Sản phẩm dở dang	261.215.103	186.770.256
Trong đó:		
Sản xuất	132.489.479	99.674.111
Hợp đồng xây dựng	127.636.160	87.096.145
Dịch vụ cung cấp	1.089.464	-
Nguyên vật liệu	231.427.791	183.479.811
Vật liệu xây dựng	32.832.814	12.334.340
Công cụ, dụng cụ	8.625.064	8.121.856
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.997.289.355</u></b>	<b><u>3.798.482.202</u></b>

## 10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	133.961.110	78.621.252
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	328.423	161.894
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>134.289.533</u></b>	<b><u>78.783.146</u></b>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị vấn phòng	Cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Ngân VNĐ Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	873.718.921	520.773.826	179.231.647	9.532.510	6.698.345	8.416.133	1.598.371.382
Tăng trong kỳ	23.535.835	29.985.845	27.542.991	610.228	-	888.993	82.563.892
Giảm trong kỳ	(55.000)	(2.486.972)	(667.751)	-	-	-	(3.209.723)
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2011	897.199.756	548.272.699	206.106.887	10.142.738	6.698.345	9.305.126	1.677.725.551
<b>Khấu hao lũy kế</b>							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	(53.539.928)	(99.585.168)	(36.168.352)	(3.989.498)	(941.956)	(2.875.982)	(197.100.884)
Tăng trong kỳ	(9.178.598)	(15.922.946)	(5.530.727)	(618.092)	(42.241)	(324.250)	(31.616.854)
Giảm trong kỳ	3.667	40.594	341.648	-	-	-	385.909
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2011	(62.714.859)	(115.467.520)	(41.357.431)	(4.607.590)	(984.197)	(3.200.232)	(228.331.829)
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	820.178.993	421.188.658	143.063.295	5.543.012	5.756.389	5.540.151	1.401.270.498
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2011	834.484.897	432.805.179	164.749.456	5.535.148	5.714.148	6.104.894	1.449.393.722

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

### 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ		
	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	3.270.000	11.626.718	14.896.718
Tăng trong kỳ	-	1.577.273	1.577.273
Phân loại lại	3.272.727	(3.272.727)	-
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2011	<u>6.542.727</u>	<u>9.931.264</u>	<u>16.473.991</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	(45.417)	(567.117)	(612.534)
Tăng trong kỳ	(381.704)	(296.495)	(678.199)
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2011	<u>(427.121)</u>	<u>(863.612)</u>	<u>(1.290.733)</u>
<b>Giá trị thuần</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	<u>3.224.583</u>	<u>11.059.601</u>	<u>14.284.184</u>
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2011	<u>6.115.606</u>	<u>9.067.652</u>	<u>15.183.258</u>

### 13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	109.401.887	8.396.264	117.798.151
Tăng trong kỳ	5.500.000	185.949	5.685.949
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2011	<u>114.901.887</u>	<u>8.582.213</u>	<u>123.484.100</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	(1.555.737)	(882.235)	(2.437.972)
Tăng trong kỳ	(51.049)	(204.139)	(255.188)
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2011	<u>(1.606.786)</u>	<u>(1.086.374)</u>	<u>(2.693.160)</u>
<b>Giá trị thuần</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	<u>107.846.150</u>	<u>7.514.029</u>	<u>115.360.179</u>
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2011	<u>113.295.101</u>	<u>7.495.839</u>	<u>120.790.940</u>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngân VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Chi phí trồng cây cao su và trà	1.404.161.765	1.174.766.048
Nhà máy thủy điện	1.042.464.583	710.217.143
Văn phòng cho thuê	716.028.533	706.604.709
Nhà xưởng, nhà văn phòng và nông trường	141.147.464	150.942.011
Thiết bị, hạ tầng ngành khoáng sản	127.508.185	104.797.176
Các công trình xây dựng khác	45.219.995	31.542.839
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.476.530.525</b>	<b>2.878.869.926</b>

## 15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

### 15.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các công ty con mà Công ty có quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu %
<b>Bất động sản</b>				
(1) Công ty Cổ phần Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	04/06/2007	83,71
(2) Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	15/01/2007	78,69
(3) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Nguyên	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	29/03/2007	74,50
(4) Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	22/06/2007	59,60
(5) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	24/10/2007 (i)	42,69
(6) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	04/10/2008	83,36
(7) Công ty TNHH Minh Thành	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	28/11/2008 (i)	41,41
(8) Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển nhà Hoàng Anh - Incomex	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	2007	66,97
(9) Công ty TNHH An Tiến	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	10/01/2008	73,46
(10) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển nhà Hoàng Phúc	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	2009 (i)	42,65
(11) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Bangkok, Thái Lan	Trước hoạt động	2009 (i)	39,34
(12) Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Nam	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	02/04/2010	83,63



## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

### 15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

#### 15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu %
<b>Bất động sản (tiếp theo)</b>				
(13) Công ty Cổ phần Xây lắp An Phú	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	9/2010	83,64
(14) Công ty Cổ phần Dịch vụ quản lý Bất động sản Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	30/05/2007 (i)	42,69
(15) Công ty Cổ phần Dịch vụ Hoàng Anh Viễn Đông	Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	03/10/2009	60,94
(16) Công ty TNHH MTV Hoàng Thơ	Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	20/12/2010	83,71
<b>Năng lượng</b>				
(17) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	05/06/2007	99,35
(18) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh – Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	Trước hoạt động	18/10/2007	77,49
(19) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Đắk Bla	Tỉnh Kontum, Việt Nam	Trước hoạt động	30/05/2007	65,20
(20) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tôna	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	22/06/2010	94,38
(21) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	6/2009	50,67
<b>Trồng cao su</b>				
(22) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	26/05/2010	99,00
(23) Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	09/09/2008	98,76
(24) Công ty Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	22/05/2008	83,70
(25) Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh – Quang Minh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	01/02/2007	64,01
(26) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	12/09/2007	81,26
(27) Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	12/01/2007	64,01
(28) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Cambodia	Trước hoạt động	16/07/2010	100
(29) Công ty TNHH Heng Brothers	Phnom Penh, Cambodia	Trước hoạt động	25/01/2010	100
(30) Công ty TNHH CRD	Phnom Penh, Cambodia	Trước hoạt động	15/12/2010	100
(31) Công ty Cổ phần Tân Đại Thắng Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	27/11/2010	69,07
(32) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	15/01/2010	66,60
(33) Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	26/01/2011	55,00

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

### 15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

#### 15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu %
<b>Khai khoáng</b>				
(34) Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	08/12/2007	83,70
(35) Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	Trước hoạt động	23/02/2008	71,15
(36) Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	12/04/2007	66,93
(37) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	Trước hoạt động	15/03/2010	83,70
(38) Công ty TNHH Rattanakiri	Rattanakiri, Cambodia	Trước hoạt động	18/11/2009	100,00
(39) Công ty TNHH MTV Chế biến khoáng sản KBang	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	28/07/2010	66,93
(40) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL – Kontum	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	09/02/2010	83,70
(41) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	15/10/2009	83,70
(42) Công ty TNHH MTV Mô Rai	Tỉnh Kontum, Việt Nam	Trước hoạt động	9/3/2011	83,70
<b>Sản xuất</b>				
(43) Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	28/09/2009	94,07
(44) Công ty TNHH Một thành viên Nguyên Vật Liệu Gỗ	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	15/03/2010	94,07
<b>Xây dựng, kinh doanh và dịch vụ</b>				
(45) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	12/01/2009	63,34
(46) Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Tp. Đà Nẵng, Việt Nam	Đang hoạt động	06/07/2007	51,85
(47) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	07/05/2008 (i)	46,20
(48) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Vientiane, Lào	Trước hoạt động	06/01/2009	80,00
(49) Công ty TNHH V&H Corporation	Vientiane, Lào	Trước hoạt động	27/03/2009	100,00
(50) Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	22/12/2009	55,12
(51) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Vientiane, Lào	Trước hoạt động	06/05/2010	100,00

(i) Công ty có trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát tại các công ty con này.

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động thương mại tại ngày 31 tháng 3 năm 2011.

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

### 15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

#### 15.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2011		Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty Đầu tư và Tư vấn xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế điện	25,00	7.882.160	25,00	7.882.160
Công ty cổ phần Bình Định Constrexim	Xây dựng nhà máy thủy điện	42,04	15.573.259	42,04	15.573.259
Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Bất động sản	25,00	7.475.610	25,00	7.475.610
<b>Tổng cộng</b>			<b>30.931.029</b>		<b>30.931.029</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Chi phí đất đai để phát triển các dự án	1.989.553.648	1.975.214.497
Đầu tư vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh để phát triển các dự án bất động sản	799.857.250	539.857.250
Khoản cho vay Chính phủ Lào	267.991.785	280.819.684
Đầu tư vào công ty khác	25.326.902	25.326.902
Các khoản đầu tư khác	5.881.970	3.343.250
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.088.611.555</b>	<b>2.824.561.583</b>

## 17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
Số đầu kỳ	191.549.237	178.577.922
Tăng trong kỳ	15.389.376	18.044.448
Chuyển sang tài khoản khác	(5.995.847)	-
Giảm do thanh lý hợp đồng	(27.973)	(43.463)
Phân bổ trong kỳ	(13.527.258)	(21.152.239)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>187.387.535</b>	<b>175.426.668</b>

## 18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Trái phiếu chuyển đổi	1.100.000.000	1.100.000.000
Các khoản vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	1.214.011.373	1.320.027.984
Vay các tổ chức và cá nhân khác	29.647.821	-
	1.243.659.194	1.320.027.984
Nợ vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	576.923.895	672.713.351
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.920.583.089</b>	<b>3.092.741.335</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	1.542.823.246	1.497.609.634
Khách hàng thương mại trả tiền trước	19.319.199	3.519.158
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.562.142.445</b>	<b>1.501.128.792</b>

## 20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Thuế thu nhập doanh nghiệp	515.970.670	366.117.378
Thuế GTGT	116.205.140	122.294.798
Thuế thu nhập cá nhân	1.687.480	1.553.371
Các khoản phải nộp khác	4.284.046	1.235.399
<b>Tổng cộng</b>	<b>638.147.336</b>	<b>491.200.946</b>

## 21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
Chi phí để xây dựng hoàn thành các căn hộ đã bán	305.053.883	211.966.701
Chi phí lãi vay	173.914.948	100.829.304
Chi phí bảo hành xây dựng	29.518.932	24.090.573
Chi phí hoạt động	29.536.249	33.953.807
Chi phí thầu phụ	11.612.138	10.796.118
Các khoản khác	19.010.231	28.086.793
<b>Tổng cộng</b>	<b>568.646.381</b>	<b>409.723.296</b>

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

### 22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Phải trả nhân viên	120.278.265	104.406.649
Phải trả các công ty khác	43.252.579	50.114.167
Phải trả tiền mua đất	18.259.456	18.259.456
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	1.331.280	1.217.760
Các khoản khác	128.659.297	130.799.680
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>311.780.877</u></b>	<b><u>304.797.712</u></b>

### 23. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Nhận ứng trước tiền bán giảm phát thải "CER"	19.757.878	19.757.878
Nhận ký quỹ thuê văn phòng	3.909.307	3.902.473
Phải trả dài hạn khác	58.500	58.500
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>23.725.685</u></b>	<b><u>23.718.851</u></b>

### 24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Trái phiếu thường	1.630.000.000	1.330.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	2.227.739.114	2.107.620.384
Thuê tài chính	14.392.937	11.567.600
Vay cá nhân	6.073.555	5.585.017
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.878.205.606</u></b>	<b><u>3.454.773.001</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)</i>	<i>576.923.895</i>	<i>672.713.351</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>3.301.281.711</i>	<i>2.782.059.650</i>

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

### 25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 25.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Phụ trợ hợp nhất	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Ngân VNĐ
Số dư, ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh - Thuyết minh số 31)	3.115.206.970	3.504.012.140	(363.632.578)	59.665.483	8.622.737	210.865.390	1.946.636.326	8.481.376.468
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	370.647.908	370.647.908
Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đồng hiện hữu	1.557.598.930	(623.039.572)	-	-	-	-	(934.559.358)	-
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	19.186.355	(19.186.355)	-
Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(19.186.355)	(19.186.355)
Phụ trợ hợp nhất	-	-	647.552	-	-	-	-	647.552
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	79.018.777	-	-	-	79.018.777
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(3.037.498)	(3.037.498)
<b>Số dư, ngày 31 tháng 3 năm 2011</b>	<b>4.672.805.900</b>	<b>2.880.972.568</b>	<b>(362.985.026)</b>	<b>138.684.260</b>	<b>8.622.737</b>	<b>230.051.745</b>	<b>1.341.314.668</b>	<b>8.909.466.852</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 25.2 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	467.280.590	311.520.697
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	467.280.590	311.520.697
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	467.280.590	311.520.697
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	467.280.590	311.520.697
Cổ phiếu đang lưu hành	467.280.590	311.520.697
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	467.280.590	311.520.697

## 26. DOANH THU

### 26.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Quý I năm 2011	Ngàn VNĐ Quý I năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>717.198.067</b>	<b>530.179.854</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu căn hộ</i>	181.357.728	145.877.685
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	370.878.796	204.593.206
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	122.086.513	143.712.933
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	28.495.231	35.996.030
<i>Doanh thu bán điện</i>	14.379.799	-
<b>Trừ</b>	<b>(92.079)</b>	<b>(4.593.929)</b>
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(79.253)	(71.427)
<i>Hàng bán trả lại</i>	-	(4.522.502)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(12.826)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>717.105.988</b>	<b>525.585.925</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu căn hộ</i>	181.357.728	145.877.685
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	370.878.796	204.570.704
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	122.086.513	143.712.933
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	28.403.152	31.424.603
<i>Doanh thu bán điện</i>	14.379.799	-



# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 26. DOANH THU (tiếp theo)

### 26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VNĐ	
	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
	Quý I năm 2011	(Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư	359.433.000	167.394.314
Lãi tiền gửi ngân hàng	73.538.934	28.918.468
Lãi cho vay các cá nhân	1.371.311	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	632.092	920.307
<b>Tổng cộng</b>	<b>434.975.337</b>	<b>197.233.089</b>

## 27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Ngàn VNĐ	
	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
	Quý I năm 2011	(Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
Giá vốn căn hộ	104.601.149	52.087.484
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	177.320.036	141.667.724
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	69.550.179	79.770.981
Giá vốn dịch vụ cung cấp	14.109.649	23.350.616
Giá vốn cung cấp điện	7.830.124	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>373.411.137</b>	<b>296.876.805</b>

## 28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ	
	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
	Quý I năm 2011	(Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
Chi phí lãi vay ngân hàng	93.356.048	35.451.633
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.455.460
Các khoản khác	2.705.360	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>96.061.408</b>	<b>36.907.093</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 29. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý I năm 2011	Ngàn VNĐ Quý I năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
<b>Thu nhập khác</b>	<b>8.493.080</b>	<b>4.122.219</b>
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	916.292	411.909
Tiền bồi thường nhận được	168.818	466.553
Tiền thu bán phế liệu	2.244.221	225.280
Các khoản khác	5.163.749	3.018.477
<b>Chi phí khác</b>	<b>(9.782.538)</b>	<b>(10.430.179)</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(1.052.882)	(561.005)
Giá vốn phế liệu	(1.042.028)	(202.798)
Các khoản khác	(7.687.628)	(9.666.376)
<b>Lãi/(lỗ) thuần</b>	<b>(1.289.458)</b>	<b>(6.307.960)</b>

## 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	Quý I năm 2011	Ngàn VNĐ Quý I năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
Thuế TNDN hiện hành	176.706.159	47.399.183
Thuế TNDN hoãn lại	(22.577.070)	20.363.964
<b>Tổng cộng</b>	<b>154.129.089</b>	<b>67.763.147</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 30.1 Thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được tính như sau:

	Quý I năm 2011	Ngàn VND Quý I năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>593.731.963</b>	<b>318.021.652</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận trước thuế</b>		
Điều chỉnh tăng		
Doanh thu căn hộ ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành trong năm trước và chịu thuế kỳ này	355.432.579	1.533.500
Giá vốn căn hộ ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành trong kỳ nhưng chưa chịu thuế	64.557.786	49.068.574
Chi phí đất phân bổ trên báo cáo hợp nhất	17.409.381	-
Chi phí trích trước	112.089.925	145.796.381
Các khoản lỗ của các công ty con	37.172.445	35.839.820
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	592.990	441.736
Chi phí khác	9.778.450	5.000.804
Điều chỉnh giảm		
Doanh thu căn hộ ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành trong năm nhưng chưa chịu thuế kỳ này	(170.972.534)	(146.628.423)
Giá vốn căn hộ ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành trong năm trước và chịu thuế kỳ này	(194.235.385)	(5.756.852)
Chi phí trích trước năm trước đã trả kỳ này	(86.170.234)	(80.271.927)
Lợi nhuận nội bộ chịu thuế chưa thực hiện	(7.328.102)	(1.240.576)
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước khi chuyển lỗ</b>	<b>732.059.264</b>	<b>321.804.689</b>
Lỗ tính thuế mang sang	(25.705.557)	-
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính</b>	<b>706.353.707</b>	<b>321.804.689</b>
<b>Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 25%</b>	<b>176.588.428</b>	<b>80.451.172</b>
Trích thiếu thuế TNDN năm trước	117.731	1.865.876
Giảm 30% thuế TNDN (*)	-	(34.917.865)
<b>Thuế TNDN ước tính trong kỳ</b>	<b>176.706.159</b>	<b>47.399.183</b>

(\*) Đây là khoản thuế TNDN được giảm 30% theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 1 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 30.2 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại của Tập đoàn và những biến động trong kỳ kế toán thể hiện như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Ghi nợ (có) trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ
	Ngày 31 tháng 3 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh - Thuyết minh số 31)	
<i>Ngàn VNĐ</i>			
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>			
Các khoản lỗ tính thuế của các công ty con	5.609.542	4.800.809	(808.733)
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	1.001.327	348.129	(653.198)
Chi phí trích trước	40.190.742	32.771.214	(7.419.528)
	<b>46.801.611</b>	<b>37.920.152</b>	
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>			
Lợi thế thương mại âm hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	61.439.435	61.439.435	-
Lợi nhuận từ hoạt động bán căn hộ chưa phải nộp thuế	527.520.389	541.216.000	(13.695.611)
Thuế TNDN ứng trước phải trả từ các khoản tiền thanh toán theo tiến độ của khách hàng	(88.158.548)	(96.918.841)	
	<b>500.801.276</b>	<b>505.736.594</b>	
<b>Thuế thu nhập hoãn lại thuần ghi có trong kết quả hoạt động kinh doanh</b>			<b>(22.577.070)</b>

## 31. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Tập đoàn thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận doanh thu hoạt động bán căn hộ trước khi xây dựng hoàn tất để phù hợp với những nguyên tắc của các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng hồi tố. Các số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ Quý I/2010 được điều chỉnh như sau:

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 31. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)

	Ngàn VNĐ		
	Đã trình bày trên Bảng CĐKT ngày 31/12/2010	Điều chỉnh hồi tố	Số dư sau điều chỉnh hồi tố
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>11.231.717.123</b>	<b>262.049.371</b>	<b>11.493.766.494</b>
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>4.362.062.643</i>	<i>(573.304.798)</i>	<i>3.788.757.845</i>
Phải thu khách hàng	2.785.902.169	(573.304.798)	2.212.597.371
<i>Hàng tồn kho</i>	<i>2.994.763.147</i>	<i>803.665.571</i>	<i>3.798.428.718</i>
Hàng tồn kho	2.994.816.631	803.665.571	3.798.482.202
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>204.444.653</i>	<i>31.688.598</i>	<i>236.133.251</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn	47.251.854	4.813.044	52.064.898
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	737.960	26.875.554	27.613.514
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>7.539.999.603</b>	<b>37.979.017</b>	<b>7.577.978.620</b>
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>195.803.063</i>	<i>37.979.017</i>	<i>233.782.080</i>
Chi phí trả trước dài hạn	153.570.220	37.979.017	191.549.237
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>18.771.716.726</b>	<b>300.028.388</b>	<b>19.071.745.114</b>
<b>Nợ phải trả</b>	<b>8.747.042.721</b>	<b>1.144.534.646</b>	<b>9.891.577.367</b>
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>5.196.037.015</i>	<i>1.382.592.434</i>	<i>6.578.629.449</i>
Người mua trả tiền trước	3.519.158	1.497.609.634	1.501.128.792
Chi phí phải trả	524.740.496	(115.017.200)	409.723.296
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>3.551.005.706</i>	<i>(238.057.788)</i>	<i>3.312.947.918</i>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	743.794.382	(238.057.788)	505.736.594
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>9.158.714.963</b>	<b>(677.338.495)</b>	<b>8.481.376.468</b>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.623.974.821	(677.338.495)	1.946.636.326
Lợi ích của cổ đông thiểu số	865.959.042	(167.167.763)	698.791.279
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>18.771.716.726</b>	<b>300.028.388</b>	<b>19.071.745.114</b>

	Ngàn VNĐ		
	Đã trình bày trên Báo cáo KQHĐKD Quý I/2010	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu sau điều chỉnh hồi tố
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.197.235.335	(667.055.481)	530.179.854
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.192.641.406	(667.055.481)	525.585.925
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(576.198.427)	279.321.622	(296.876.805)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	616.442.979	(387.733.859)	228.709.120
Chi phí bán hàng	(30.869.569)	8.801.368	(22.068.201)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	703.262.103	(378.932.491)	324.329.612
Lợi nhuận trước thuế	696.954.143	(378.932.491)	318.021.652
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	(111.140.348)	90.776.384	(20.363.964)
Lợi nhuận sau thuế	538.414.612	(288.156.107)	250.258.505
Lợi ích của cổ đông thiểu số	28.953.855	(20.977.336)	7.976.519
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	509.460.757	(267.178.771)	242.281.986
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	1.887	(990)	897

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 31. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)

	Ngàn VNĐ		
	<i>Đã trình bày trên Báo cáo LCTT Quý I/2010</i>	<i>Điều chỉnh hồi tố</i>	<i>Số liệu sau điều chỉnh hồi tố</i>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>696.954.143</b>	<b>(378.932.491)</b>	<b>318.021.652</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>583.390.920</b>	<b>(378.932.491)</b>	<b>204.458.429</b>
(Tăng) /giảm các khoản phải thu	(662.683.092)	667.055.481	4.372.389
Giảm /(tăng) hàng tồn kho	136.498.262	(279.321.622)	(142.823.360)
Tăng các khoản chi phí trả trước	(10.413.736)	(8.801.368)	(19.215.104)

Ngoài ra, số liệu đã trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các quý II, III và IV/2010 được điều chỉnh như sau:

	Ngàn VNĐ		
	<i>Đã trình bày trên Báo cáo KQHĐKD Quý II/2010</i>	<i>Điều chỉnh hồi tố</i>	<i>Số liệu sau điều chỉnh hồi tố</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.189.280.276	(677.151.174)	512.129.102
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.188.269.792	(677.151.174)	511.118.618
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(582.289.073)	364.484.696	(217.804.377)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	605.980.719	(312.666.478)	293.314.241
Chi phí bán hàng	(31.266.209)	13.650.287	(17.615.922)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	700.281.993	(299.016.191)	401.265.802
Lợi nhuận trước thuế	703.963.066	(299.016.191)	404.946.875
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	(104.512.986)	73.163.623	(31.349.363)
Lợi nhuận sau thuế	509.810.315	(225.852.568)	283.957.747
<i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>	<i>111.374.587</i>	<i>(17.614.082)</i>	<i>93.760.505</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</i>	<i>398.435.728</i>	<i>(208.238.486)</i>	<i>190.197.242</i>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	1.436	(781)	655

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

## 31. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)

	Ngàn VNĐ		
	<i>Đã trình bày trên Báo cáo KQHĐKD Quý III/2010</i>	<i>Điều chỉnh hồi tố</i>	<i>Số liệu sau điều chỉnh hồi tố</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	574.307.591	(117.028.194)	457.279.397
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	573.908.894	(117.028.194)	456.880.700
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(363.584.558)	87.832.122	(275.752.436)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	210.324.336	(29.196.072)	181.128.264
Chi phí bán hàng	(28.905.980)	2.083.597	(26.822.383)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	813.801.234	(27.112.475)	786.688.759
Lợi nhuận trước thuế	816.137.815	(27.112.475)	789.025.340
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	(10.312.651)	4.815.414	(5.497.237)
Lợi nhuận sau thuế	626.470.135	(22.297.061)	604.173.074
<i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>	<i>38.649.161</i>	<i>(2.781.356)</i>	<i>35.867.805</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</i>	<i>587.820.974</i>	<i>(19.515.705)</i>	<i>568.305.269</i>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	2.013	(66)	1.947

	Ngàn VNĐ		
	<i>Đã trình bày trên Báo cáo KQHĐKD Quý IV/2010</i>	<i>Điều chỉnh hồi tố</i>	<i>Số liệu sau điều chỉnh hồi tố</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.444.145.558	1.597.551.201	3.041.696.759
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.444.057.524	1.597.551.201	3.041.608.725
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(652.885.143)	(849.741.767)	(1.502.626.910)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	791.172.381	747.809.434	1.538.981.815
Chi phí bán hàng	(41.990.192)	(14.364.649)	(56.354.841)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	808.182.128	733.444.785	1.541.626.913
Lợi nhuận trước thuế	800.354.613	733.444.785	1.533.799.398
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	(101.427.998)	88.199.205	(13.228.793)
Lợi nhuận sau thuế	571.845.666	553.910.992	1.125.756.658
<i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>	<i>33.535.063</i>	<i>53.573.735</i>	<i>87.108.798</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</i>	<i>538.310.603</i>	<i>500.337.257</i>	<i>1.038.647.860</i>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	1.821	1.675	3.496

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2011

B09-DN/HN

### 32. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 20 tháng 5 năm 2011, Công ty đã phát hành trái phiếu quốc tế với tổng mệnh giá 90.000.000 Đô-la Mỹ. Trái phiếu này có kỳ hạn 5 năm, hoàn trả nợ gốc 20% cuối năm thứ ba, 20% cuối năm thứ tư và 60% cuối năm thứ năm. Trái tức của trái phiếu là 9,875%/năm. Số tiền thu từ đợt phát hành này sẽ được sử dụng để đầu tư vào các dự án cao su và thủy điện của Tập đoàn.



Bà Hồ Thị Kim Chi  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự  
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 6 năm 2011